TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST Ngày: 25 – 3 – 2026 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Ca.

Ông Dương Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2003.

Căn cước công dân số: 03030300XXXX; cấp ngày 24/4/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Tổ dân phố A C, phường C, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1997.

Căn cước công dân số: 03009700XXXX; cấp ngày 06/7/2022. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Tổ dân phố A C, phường C, thành phố Hải Phòng.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố A C, phường C, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị và anh Lê Văn T đăng ký kết hôn tự nguyện vào ngày 02/12/2022 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Hải Phòng). Trong quá trình chung sống, từ năm 2024 đến nay vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hai bên không thể chia sẻ, thấu hiểu lẫn nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi khiến đời sống chung trở nên mệt mỏi, bức bối và căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sự khác biệt trong tính cách, quan điểm sống và những áp lực trong đời sống hôn nhân dẫn đến việc vợ chồng không còn hòa hợp. Hiện tại chị và anh T đã ly thân, chị đã về nhà mẹ đẻ tại tổ dân phố số A C, phường C, thành phố Hải Phòng để sinh sống, con gái nhỏ hiện đang ở cùng chị. Từ khi chị về nhà mẹ đẻ đến nay, anh T không còn quan tâm hỏi thăm hay tìm đón chị nữa. Hai vợ chồng đã được gia đình bạn bè hai bên động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Ngọc Phương N, sinh ngày 09/6/2023. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc không thể tham gia tố tụng tại Tòa án, chị H đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị.

** Bà Nguyễn Thị T1 (là mẹ đẻ của chị H) trình bày*:

Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H. Chị H và anh T có đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Hải Phòng). Anh chị kết hôn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, chị H về nhà anh T sống tại tổ dân phố số A C, phường C, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống ban đầu hòa thuận bình thường. Đến năm 2024 vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do khác biệt tính cách, công việc và nền giáo dục giữa hai gia đình. Anh T không có công việc ổn định, thường tham gia các canh lễ hầu đồng và làm thầy cúng, do làm công việc có yếu tố tâm linh nên dẫn đến những khác biệt về tính cách cũng như giờ giấc sinh hoạt làm cho đời sống vợ chồng của hai vợ chồng ngày càng xa

cách và không thể thấu hiểu nhau. Bản thân bà là một người mẹ khi biết các con có mâu thuẫn cũng đã khuyên can và tiến hành hòa giải cho các con nhiều lần, tuy nhiên mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống. Chị H đã bế con và dọn về nhà bà từ cuối tháng 11/2025. Sau một khoảng thời gian ly thân, chị H xin được ly hôn với anh T vì đã hết tình cảm và không thể hàn gắn được nữa. Theo quan điểm của bà, chuyện tình cảm là chuyện riêng của các con, anh chị tự nguyện tìm hiểu, yêu đương rồi đi đến hôn nhân nên chị H quyết định ly hôn thì bà cũng tôn trọng quyết định của chị.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Lê Ngọc Phương N, sinh ngày 09/6/2023. Trong trường hợp chị H và anh T ly hôn, nếu chị H được quyền nuôi con thì bà sẽ ủng hộ, phụ giúp chị H trong việc chăm sóc, nuôi dạy cháu. Hơn nữa nhà của bà rộng rãi, bà lại chỉ có chị H là con gái. Bà làm nghề buôn bán tại chợ gần nhà, chồng bà làm nghề lái tàu chở than có thu nhập khá ổn định. Công việc của bà thời gian làm việc linh hoạt không gò bó, thường chỉ bận buổi sáng nên thuận lợi cho việc chăm sóc con cháu phụ giúp chị H đi làm. Ngoài ra, nhà bà ở gần trường mầm non nên rất thuận tiện cho việc học hành của cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không nắm rõ.

* *Ông Lê Văn S (là bố đẻ của anh T) trình bày*:

Ông là bố đẻ của anh Lê Văn T. Anh T và chị H tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường C, thành phố Hải Phòng). Sau ngày cưới, anh chị về cùng chung sống với gia đình ông. Trong quá trình chung sống, ông không thấy anh chị có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, anh chị cũng không cãi vã to tiếng. Trong thời gian chung sống, anh T thường xuyên vắng nhà vì lý do công việc. Đến khoảng tháng 10 – 11/2025 thì chị H đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống, từ đó đến nay chị H không quay lại nhà ông nữa. Ông không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai anh chị. Hiện tại, vợ chồng anh chị sống ly thân mỗi người ở một nơi. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T, quan điểm của ông như sau. Về quan hệ hôn nhân, ông không có ý kiến gì về việc chị H xin ly hôn với anh T, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của anh chị và quy định pháp luật để giải quyết. Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Lê Ngọc Phương N, sinh ngày 09/6/2023, hiện cháu đang ở cùng mẹ. Nếu anh chị ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của anh chị và quy định pháp luật để giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung của anh chị, ông không nắm được. Do bận công việc nên anh T thường xuyên vắng nhà, tuy nhiên anh T vẫn về nhà hàng tháng nên ông nhận các văn bản của Tòa án và giao, thông báo lại cho anh T.

* Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H, anh T đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị H và anh T đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường C, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, anh chị cùng về chung sống tại nhà ông S là bố đẻ anh T. Địa phương không nắm rõ mâu thuẫn hôn nhân của anh chị. Hiện tại chị H đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng mỗi người ở một nơi. Nay chị H có đơn ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của anh chị và quy định pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Văn T. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Ngọc Phương N, sinh ngày 09/6/2023 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 3 năm 2026 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Lê Văn T. Bị đơn anh Lê Văn T có nơi đăng ký thường trú và hiện đang sinh

sống tại tổ dân phố số A C, phường C, thành phố Hải Phòng. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T thông qua ông Lê Văn S là bố ruột anh T, đồng thời tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Hải Phòng) vào ngày 02/12/2022 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị H và những người làm chứng xác định: Trong quá trình chung sống, từ năm 2024 đến nay chị H và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều khác biệt trong tính cách, quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng không có sự chia sẻ, thấu hiểu lẫn nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã khiến đời sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng, mệt mỏi. Hiện tại anh chị sống ly thân, chị H về nhà ngoại sinh sống từ khoảng cuối tháng 11/2025 cho đến nay, vợ chồng mỗi người ở một nơi, không quay lại chung sống cùng nhau nữa. Mặc dù gia đình hai bên đã động viên hòa giải cho anh chị nhưng bản thân anh chị không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn và không nỗ lực trong việc hàn gắn tình cảm. Anh T đã được thông báo về việc chị H xin ly hôn nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến, quan điểm về việc giải quyết vụ án, cho thấy anh T không quan tâm đến tâm tư, tình cảm của chị H và cũng không có mong muốn giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân của chị H và anh T kéo dài và đến nay đã trầm trọng, vợ chồng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Lê Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Lê Ngọc Phương N, sinh ngày 09/6/2023 hiện đang ở cùng chị H. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh T không trình bày quan điểm về việc giải quyết nuôi con chung.

Xét thấy, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu Lê Ngọc Phương N còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, về nguyên tắc con dưới 36 tháng tuổi phải được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy chị Nguyễn Thị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và thực tế có đầy đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị H hiện có nơi ở ổn định và nhận được sự hỗ trợ tích cực từ gia đình bên ngoại trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu; đồng thời, giữa chị H và anh T cũng không có thỏa thuận khác về việc nuôi con chung. Xét nguyện vọng của chị H là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của người làm cha làm mẹ, cũng như để đảm bảo sự ổn định của con chung trong cuộc sống và sinh hoạt, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là cháu Lê Ngọc Phương N cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung*:* Các đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Lê Ngọc Phương N, sinh ngày 09/6/2023 cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 3 năm 2026 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh Lê Văn T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0000049 ngày 06 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 9 – Hải Phòng;
- Các đương sự;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND phường C, TP. Hải Phòng (ĐK số: 147/2022 ngày 02 tháng 12 năm 2022);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân Anh